

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 01- 02-2023

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyền

Bà Trần Thị Ngọc Trân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2022/HNGĐST ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết H, sinh ngày 09/9/1990. Địa chỉ: Ấp ĐT, xã TH ĐA, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Kim Dae J, sinh năm 1970. Địa chỉ: 119 Seonjeok - ri, Jinwon – myeon, Jangseong – gun, Jeollanam – do, Korea.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông J vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2022 và bản tự khai ngày 10/5/2022 bà Lê Thị Tuyết H trình bày: Vào năm 2009, bà và ông Kim Dae J quen biết qua mai mối, năm 2010 bà và ông Kim Dae J đám cưới, có mời họ hàng hai bên theo truyền thống Việt Nam và đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang vào ngày

20/4/2010. Sau khi cưới ông Kim Dae J trở về Hàn Quốc, đến tháng 5/2010 bà cũng về Hàn Quốc sống cùng ông Kim Dae J. Trong quá trình chung sống tại Hàn Quốc ông bà thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ, quan điểm sống, bà đã cố gắng chịu đựng để vợ chồng hòa thuận, nhưng do mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng nên đến tháng 8/2010 bà trở về Việt Nam cho đến nay và không còn liên lạc với ông Kim Dae J.

Nay bà nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân giữa bà và ông Kim Dae J không thể duy trì chung sống với nhau nên bà yêu cầu ly hôn với ông Kim Dae J.

Về con chung; tài sản chung; nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn ông Kim Dae J** vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Tuyết H theo thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục: Nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết H có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Kim Dae J vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng. Do vậy căn cứ Điều 228, Điều 238, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Tuyết H và ông Kim Dae J là hôn nhân tự nguyện; ông, bà đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 207, ngày 20/4/2010. Do vậy Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của bà Lê Thị Tuyết H và ông Kim Dae J là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Lê Thị Tuyết H và ông Kim Dae J do bất đồng về ngôn ngữ nên không hiểu nhau, thiếu chia sẻ cảm thông nên bà H trở về Việt Nam và đã không còn liên lạc với nhau từ tháng 8/2010 đến nay.

Xét thấy hôn nhân giữa bà Lê Thị Tuyết H và ông Kim Dae J đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Tuyết H đối với ông Kim Dae J. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Tuyết H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Lê Thị Tuyết H phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí bà H đã nộp.

[4]. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Áp dụng khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 7 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC; Bà Lê Thị Tuyết H phải chịu phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng, đã nộp theo biên lai thu số 0008042 ngày 16/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tuyết H được ly hôn với ông Kim Dae J.
2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Tuyết H xác định không có con chung, tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Án phí: Bà Lê Thị Tuyết H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai 0007215 ngày 04/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Lê Thị Tuyết H phải chịu phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng, đã nộp theo biên lai thu số 0008042 ngày 16/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Tuyết H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Tòa án niêm yết.

Riêng ông Kim Dae J có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Út Mẫn